

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HỒNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/DS-ST

Ngày 20-9-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Đào Hồng Kiệt.
2. Ông Phan Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa:
Ông Lê Công Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 20-9-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 357/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2021/QĐST-DS ngày 25-8-2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH một thành viên P.

Địa chỉ: số 034, ấp An Lạc, xã An Bình, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật là ông Phạm Hoàng N, sinh năm 1983.

HKTT: tổ 7, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở hiện nay: số 034, ấp An Lạc, xã An Bình, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp chức vụ Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Hoàng N là anh Ngô Nam H, sinh năm 1987. Địa chỉ: số 48, đường Lê Văn Tám, tổ 52, khóm 5, phường 1, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 12-8-2020, có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn:

2.1 Bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1968;

2.2 Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: khóm 3, thị trấn SaRài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm anh Ngô Nam H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Trước đây Công ty TNHH Một Thành Viên P (gọi tắt là Công ty) có ký hợp đồng mua bán phân bón với cửa hàng vật tư nông nghiệp Bảy Thẳng do ông Nguyễn Văn T và vợ là bà Trần Thị Ngọc T là chủ cửa hàng.

Tại biên bản đối chiếu công nợ có xác nhận của bà T ký tên thì từ ngày 21-11-2016 đến ngày 25-12-2016 cửa hàng vật tư nông nghiệp Bảy Thẳng còn nợ của Công ty 628.264.000đồng. Sau khi đối chiếu công nợ do nghĩ chỗ mua bán lâu năm nên phía Công ty vẫn thỏa thuận bán phân bón cho cửa hàng vật tư nông nghiệp Bảy Thẳng nhưng phải thanh toán xong từng hóa đơn bán hàng còn số tiền công nợ nêu trên thì để cho cửa hàng vật tư nông nghiệp Bảy Thẳng trả dần.

Đến ngày 26-12-2017 thì Công ty có thỏa thuận bán cho cửa hàng vật tư nông nghiệp Bảy Thẳng phân bón với tổng số tiền là 17.500.000đồng (đã thanh toán xong) đây là hóa đơn sau cùng. Khi đó hóa đơn có ghi nhắc lại số tiền công nợ mà cửa hàng vật tư nông nghiệp Bảy Thẳng còn thiếu với tổng số tiền là 520.679.000đồng, bà T xác nhận và ký tên.

Sau nhiều lần Công ty có đến gặp ông T, bà T để yêu cầu trả nợ nhưng ông T cứ hứa hoài và sau đó ông T, bà T bỏ địa phương đi (không biết địa chỉ) nên vào khoảng tháng 7-2019 Công ty có đơn tố cáo đến Công an Huyện Tân Hồng. Tại cơ quan Công an huyện Tân Hồng thì ông T có đến và thừa nhận là có việc còn thiếu tiền mua phân bón của Công ty nhưng số tiền bao nhiêu thì không biết rõ lý do bà T (vợ ông T) giữ sổ sách đối chiếu công nợ, ông T hứa sẽ xem lại sổ sách và đồng ý trả cho phía Công ty.

Sau đó, ông T, bà T vẫn không trả nợ nên nay Công ty TNHH Một Thành Viên P yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ngọc T trả số tiền còn nợ là 666.405.000đồng, trong đó tiền gốc là 520.679.000đồng, còn tiền lãi thì tính từ ngày 26-12-2017 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ việc nhưng Công ty chỉ yêu cầu tiền lãi là 145.726.000đồng, không yêu cầu gì thêm.

Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự không phải vụ án kinh doanh thương mại, bởi vì: các bên không có lập hợp đồng mua bán mà chỉ thể hiện qua các hóa đơn bán hàng và lại hiện tại cửa hàng vật tư nông nghiệp Bẫy Thẳng theo xác nhận của ông T thì đã không còn hoạt động từ cuối năm 2017 cho đến nay việc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vẫn còn là do chưa lập thủ tục chấm dứt đăng ký kinh doanh theo quy định.

- Theo lời khai của ông Nguyễn Văn T có trong hồ sơ vụ án: Ông T thừa nhận từ trước đến năm 2017 thì Công ty TNHH Một Thành Viên P có bán cho cửa hàng vật tư nông nghiệp Bẫy Thẳng phân bón và thuốc trừ sâu theo như các hóa đơn bán hàng mà phía Công ty cung cấp, do cửa hàng buôn bán gặp khó khăn nên có thiếu nợ của Công ty nhưng số tiền bao nhiêu thì không biết rõ lý do bà T (vợ ông T) là người giữ sổ sách đối chiếu công nợ, ông T hứa sẽ yêu cầu bà T xem lại sổ sách để đối chiếu công nợ và đồng ý trả số tiền nợ cho phía Công ty.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát:

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: nguyên đơn và bị đơn tranh chấp hợp đồng mua bán và bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại khóm 3, thị trấn SaRài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: nguyên đơn yêu cầu Tòa án thụ lý giải quyết vụ án dân sự đồng thời qua các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn yêu cầu đối với bị đơn về việc trả tiền nợ còn thiếu do mua bán phân bón nên Tòa án nhân dân

huyện Tân Hồng thụ lý vụ án là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ngọc T (bị đơn) đã được tổng đạt, triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà T là đúng theo quy định tại các điều 173, 180, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của Công ty TNHH Một thành viên P về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ngọc T trả số tiền còn nợ là 666.405.000đồng, trong đó tiền gốc là 520.679.000đồng, tiền lãi 145.726.000đồng, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của đương sự tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy: căn cứ vào bản đối chiếu công nợ và các hóa đơn bán hàng từ tháng 01-2017 cho đến tháng 12-2017 tất cả đều được bà Trần Ngọc T (Trần Thị Ngọc T) xác nhận và đồng ý ký tên (có khi ông T xác nhận và ký tên) thì có thể hiện nội dung “*số nợ của quý khách đến hiện tại là 520.679.000đồng*” (tại hóa đơn bán hàng đề ngày 26-12-2017). Đồng thời, theo lời khai của ông T thì ông T thừa nhận hiện nay vẫn còn thiếu tiền mua phân bón và thuốc trừ sâu của Công ty TNHH Một Thành Viên P nhưng không biết là bao nhiêu do bà T quản lý giữ sổ sách đối chiếu công nợ và có ý kiến xin Tòa án một thời gian để ông cung cấp sổ sách đối chiếu công nợ.

Qua ý kiến của ông T Tòa án cũng đã tạo điều kiện thuận lợi, ấn định thời gian để ông T, bà T cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh số tiền còn nợ với phía Công ty nhưng cho đến nay ông T, bà T cũng không cung cấp và cũng đã bỏ địa phương, hiện nay không biết địa chỉ cụ thể ở đâu. Ông T, bà T đã được thông báo lên phương tiện thông tin đại chúng đối với yêu cầu của nguyên đơn nhưng ông T, bà T cũng không phản hồi ý kiến. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông T, bà T không phản đối những chứng cứ yêu cầu Công ty đưa ra thì xem như thừa nhận chứng cứ của Công ty.

Từ nhận định trên, nên chấp nhận yêu cầu của Công ty. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ngọc T trả nợ mua bán còn thiếu.

Qua số tiền lãi mà Công ty yêu cầu Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 xét thấy có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

[2.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí: Buộc ông T, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Công ty TNHH Một Thành Viên P không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, do đó tiền tạm ứng án phí sẽ được hoàn trả lại. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng Công ty TNHH Một Thành Viên P đồng ý tự nguyện chịu toàn bộ, Công ty đã thanh toán xong nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[3] Hội đồng xét xử xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 91, 92, 147, 173, 180, 227, 228, 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 430, 440, 357 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ngọc T trả 666.405.000đồng, trong đó tiền gốc là 520.679.000đồng, tiền lãi 145.726.000đồng cho Công ty TNHH Một Thành Viên P.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ngọc T phải nộp 30.656.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Công ty TNHH Một Thành Viên P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH Một Thành Viên P số tiền 14.565.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số BI/2019: 0009027 ngày 09 tháng 11 năm 2020 (do anh Nguyễn Văn An nộp thay) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng.

- Đối với lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng Công ty TNHH Một Thành Viên P đồng ý tự nguyện chịu toàn bộ, Công ty TNHH Một Thành Viên P đã thanh toán xong, nên không đề cập xử lý.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20-9-2021). Riêng bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Cư